

Bản án số: 82/2017/HSST

Ngày: 14/8/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ BÌNH – TỈNH THÁI NGUYÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nhài

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông: Nguyễn Văn Đăng
2. Ông: Hoàng Văn Đích

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trịnh Thị Minh Hải - Thư ký
Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P - tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Vũ, chức vụ: Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 14 tháng 8 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ L số: 78/2017/HSST ngày 27 tháng 6 năm 2017, quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/HSST-QĐ ngày 01 tháng 8 năm 2017, đối với bị cáo:

Vũ Thị L, sinh năm 1976; nơi sinh: huyện T, Bắc Giang

Nơi ĐKNKTT và nơi ở: Xóm P, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

Dân tộc: Kinh; trình độ văn hóa: 02/12; nghề nghiệp: Làm ruộng; con ông: Vũ Văn D và con bà: Phạm Thị B; gia đình có 8 anh em, bị cáo là con thứ tám; có chồng Trần Hải Q (đã chết), có 01 con chung với chồng là Trần Hải D sinh năm 2000 và 01 con ngoài giá thú sinh ngày 19/9/2014.

Tiền sự: Không.

Tiền án: Tại bản án số 46/2010/HSST ngày 22/9/2010, Tòa án nhân dân huyện P xử phạt 12 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Bị cáo tại ngoại (Bị bắt tạm giữ theo quyết định truy nã ngày 10/4/2017, thay thế bằng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 11/4/2017).

(Có mặt)

Người bị hại: Ông **Lường Công M**, sinh năm 1950

Nơi cư trú: Xóm C, xã B, huyện P, tỉnh Thái Nguyên

(Có mặt)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1974 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ D, thị trấn H, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

-Bà: Hồ Thị K, sinh năm 1953 (Có mặt)

Nơi cư trú: Xóm T, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên

Người làm chứng:

-Anh Trần Duy Kh, sinh năm 1998 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Xóm T, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên

-Anh: Vũ Hồng A, sinh năm 1976 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Xóm T, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên

NHẬN THẤY

Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Vũ Thị L có mối quan hệ họ hàng với ông Vũ Hồng H (có vợ là bà Hồ Thị K) đều cư trú tại: Xóm T, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Khoảng 13h15 phút ngày 07/12/2011, L đến nhà ông H để thăm vì ông H mới đi điều trị ở bệnh viện về. Cùng lúc này, tại nhà ông H có ông Lương Công M đi xe mô tô BKS 20G1-035.84 cũng đến thăm ông H, ông M để xe ở ngoài sân thì L nhìn thấy xe mô tô BKS 20G1 – 03584 của ông M không rút chìa khóa xe khỏi ổ điện. L đã nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe mô tô trên nên L nói với Trần Duy Kh là cháu ngoại bà K ông H: “Đi ra đầu cầu với thím để mua quà”, L đi đến mở khóa điện và điều khiển xe mô tô của ông M đi (L không hỏi mượn ông M xe). Khi chở Kh đến cầu Lũ Yên, cách nhà bà K khoảng 200mét thì L dừng xe lại bảo cháu Kh xuống xe và nói: “Thím đi lấy tiền tỷ quay lại mua quà cho ông” rồi L điều khiển xe máy của ông M đi cầm cố tại nhà chị Nguyễn Thị D lấy 6.000.000đồng. Sau đó, L gọi điện về cho bà K và nói đến nhà chị D chuộc lại xe. Đến ngày 08/12/2011, ông M mang theo 1.000.000đồng, bà K mang theo 5.100.000đồng cùng đến nhà chị D chuộc xe mang về cho ông M và trình báo sự việc đến Công an xã Đ và Công an huyện P giải quyết.

Vật chứng của vụ án: 01 xe mô tô Honda Wave BKS 20G1-035.84, cơ quan chuyên môn đã định giá 13.000.000đ (mười ba triệu đồng).

Ngày 09/01/2012 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P đã ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can và ra Lệnh bắt bị can để tạm giam nhưng Vũ Thị L đã bỏ trốn khỏi địa phương nên đã ra Quyết định truy nã số 02 ngày 02/02/2012. Ngày 10/4/2017 Vũ Thị L bị Công an tỉnh Thái Nguyên bắt theo quyết định truy nã trên. Ngày 11/4/2017 cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P thay thế bằng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú đối với Vũ Thị L.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo Vũ Thị L đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Bản Cáo trạng số 80/KSĐT ngày 26 tháng 6 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P truy tố bị cáo Vũ Thị L về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P đề nghị Hội đồng xét xử:

* Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 33 Bộ luật hình sự xử phạt đối với bị cáo từ 18 tháng đến 24 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, được chứng minh bằng lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và chứng cứ khác được thu thập trong quá trình điều tra. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Khoảng 13h15’ ngày 07/12/2011, tại Xóm T, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên, lợi dụng sở hữu của chủ tài sản là ông Lương Công M để 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave BKS 20G1 – 035.84 trị giá 13.000.000đ (Mười ba triệu đồng) không rút chìa khóa điện, bị cáo Vũ Thị L đã lấy chiếc xe mô tô trên của ông M rồi mang đi cầm cố lấy 6.000.000đồng ăn tiêu. Với hành vi trên, Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện P truy tố bị cáo Vũ Thị L về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS là có căn cứ, đúng pháp luật.

Khoản 1 Điều 138 BLHS quy định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu của công dân được pháp luật bảo vệ. Đồng thời gây mất trật tự trị an xã hội ở địa phương. Vì vậy, cần xử phạt nghiêm khắc đối với bị cáo để giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa tội phạm.

Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Hội đồng xét xử thấy: Năm 2010 bị Tòa án nhân dân huyện P xử phạt 12 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” chưa được xóa án tích nên bị cáo

phải chịu một tình tiết tăng nặng “Tái phạm” tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự. Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ là đã tác động gia đình bồi thường khắc phục hậu quả, quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn và tại phiên tòa người bị hại xin cho bị cáo được hưởng mức án thấp được quy định tại điểm b, g, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Vì vậy, khi lượng hình Hội đồng xét xử cũng xem xét giảm một phần hình phạt cho bị cáo và cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội. Mức án mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị nêu trên Hội đồng xét xử xét thấy phù hợp.

Về hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 138 Bộ luật hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng”, do đó bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo làm ruộng, không có thu nhập nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa ông Lường Công M là người bị hại đã nhận lại xe và tiền chuộc xe không yêu cầu gì; bà Hồ Thị K đã được nhận lại số tiền chuộc xe do gia đình bị cáo L hoàn trả và không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trong vụ án này, chị Nguyễn Thị D là người cho L cầm cố chiếc xe mô tô, nhưng chị D không biết là tài sản do bị cáo phạm tội mà có nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P không xử L.

Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố:

Bị cáo Vũ Thị L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, g, p khoản 1, 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 Bộ luật hình sự xử phạt:

Vũ Thị L 18 (Mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, được trừ thời gian bắt tạm giữ từ ngày 10/4/2017 đến ngày 11/4/2017).

2. Trách nhiệm dân sự: Ghi nhận ông Lường Công M đã nhận lại 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave BKS 02G1- 035.84 và số tiền 1.000.000 đồng tiền chuộc xe.

Ghi nhận bà Hồ Thị K đã nhận lại số tiền chuộc xe BKS 20G1- 025.84 do gia đình bị cáo L hoàn trả.

3. Án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban

thường vụ Quốc Hội: Buộc bị cáo L phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước.

Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- VKS huyện P;
- Công an huyện P;
- Chi cục THADS Phú Bình;
- Bị cáo; bị hại; LQ;
- Lưu hồ sơ
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà

Trần Thị Nhài

